

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2025/DS-ST
Ngày: 09-04-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**.

2. Bà **Võ Thị Diệp**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 09 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 837/2024/TLST-DS, ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần K**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Hồng M** - chức vụ: Tổng giám đốc. Địa chỉ trụ sở chính: Số D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Ngô Văn Q** - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Đ. Ông Ngô Văn Q ủy quyền lại cho anh **Lê Minh V** - sinh năm 1983; Cùng địa chỉ: Số C L, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (anh V có mặt).

- Bị đơn: Anh **Trần Văn N** - sinh năm 1974 và chị **Nguyễn Thị Xuân N1** - sinh năm 1980, Cùng địa chỉ: Số nhà A, ấp F, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (tất cả đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Xuân N1 có vay vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần K (gọi tắt là Ngân hàng K) - Chi nhánh Đ với tổng số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) theo các Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số: HV01396/HĐTD-CC ngày 29/02/2020, số tiền vay là 40.000.000 đồng, mục đích vay: Mua bán nhỏ, giải ngân ngày: 29/02/2020, thời hạn vay là 180 ngày, lãi suất vay là: 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, hình thức thanh toán: Trả góp nợ gốc và lãi tiền vay theo định kỳ hàng ngày kể từ ngày 01/3/2020 đến 27/8/2020, số tiền trả mỗi ngày là 239.754 đồng, ngày cuối là 240.154 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số: HV01397/HĐTD-CC ngày 29/02/2020, số tiền vay 30.000.000 đồng, mục đích vay: Mua bán nhỏ, giải ngân ngày: 29/02/2020, thời hạn vay là 180 ngày, lãi suất vay 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, hình thức thanh toán: Trả góp nợ gốc và lãi tiền vay theo định kỳ hàng ngày kể từ ngày 01/03/2020 đến 27/8/2020, số tiền trả mỗi ngày là 179.811 đồng, ngày cuối là 181.011 đồng.

3. Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số: HV01418/HĐTD-CC ngày 27/3/2020, số tiền vay 30.000.000 đồng, mục đích vay: Mua bán nhỏ, giải ngân ngày: 27/03/2020, thời hạn vay là 180 ngày, lãi suất vay 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, hình thức thanh toán: Trả góp nợ gốc và lãi tiền vay theo định kỳ hàng ngày kể từ ngày 28/3/2020 đến 23/9/2020, số tiền trả mỗi ngày là 179.811 đồng, ngày cuối là 181.011 đồng.

Tài sản cầm cố dùng để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ là:

1. Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số HV01396/HĐTD-CC ngày 29/02/2020: Xe HONDA (Wave 125i), biển số 66F1-537.68, giấy chứng nhận đăng ký số: 034381 do anh Trần Văn N đứng tên.

2. Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số HV01397/HĐTD-CC ngày 29/02/2020: Tín chấp.

3. Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số HV01418/HĐTD-CC ngày 27/3/2020: Tín chấp.

Quá trình thanh toán nợ:

- Từ ngày 01/03/2020 đến hết ngày 18/05/2020 anh N và chị N1 đã thanh toán hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số HV01396/HĐTD-CC ngày 29/02/2020 cho Ngân hàng K số tiền 18.904.761 đồng. Trong đó tiền gốc: 17.555.556 đồng, tiền lãi: 1.385.205 đồng.

- Từ ngày 01/03/2020 đến hết ngày 18/05/2020 anh N và chị N1 đã thanh toán hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số HV01397/HĐTD-CC ngày 29/02/2020 cho Ngân hàng K số tiền: 14.205.571 đồng. Trong đó tiền gốc 13.166.667 đồng, tiền lãi: 1.038.904 đồng.

- Từ ngày 28/03/2020 đến hết ngày 18/05/2020 anh N và chị N1 đã thanh toán hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: HV01418/HĐTD-CC ngày 27/03/2020 cho Ngân hàng K số tiền: 9.350.503 đồng. Trong đó tiền gốc: 8.666.667 đồng, tiền lãi: 683.836 đồng.

Từ ngày 19/05/2020 anh N và chị N1 không tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 09/04/2025 anh N và chị N1 còn nợ Ngân hàng K tổng số tiền là 132.208.479 đồng, trong đó vốn gốc là 60.611.110 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.782.466 đồng, tiền lãi quá hạn là 66.814.903 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số HV01396/HĐTD-CC ngày 29/02/2020 với số tiền là 49.097.375 đồng, trong đó: nợ gốc 22.444.444 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.770.959 đồng, nợ lãi quá hạn là 24.881.972 đồng.

- Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số HV01397/HĐTD-CC ngày 29/02/2020 với số tiền là 36.823.031 đồng; trong đó nợ gốc là 16.833.333 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.328.219 đồng, nợ lãi quá hạn là 18.661.479 đồng.

- Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số HV01418/HĐTD-CC ngày 27/03/2020 với số tiền là 46.288.073 đồng; trong đó nợ gốc là 21.333.333 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.683.288 đồng, nợ lãi quá hạn là 23.271.452 đồng.

Nay Ngân hàng K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp giải quyết buộc anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Xuân N1 phải trả có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng K số tiền tính đến ngày 09/04/2025 là: 132.208.479 đồng, trong đó vốn gốc là 60.611.110 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.782.466 đồng, tiền lãi quá hạn là 66.814.903 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/04/2025 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Đối với yêu cầu công nhận Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: HV01396/HĐTD-CC ngày 29/02/2020 giữa Ngân hàng K với ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Xuân N1 thì nguyên đơn xin rút lại không yêu cầu giải quyết mà tự nguyên đơn sẽ xử lý.

* Bị đơn anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Xuân N1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đã được triệu tập để mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh N và chị N1 không tham gia trong suốt quá trình tố tụng cũng như không có văn bản nêu ý kiến gửi cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của anh N và chị N1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Xuân N1 trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng số HV01396/HĐTD-CC, số HV01397/HĐTD-CC cùng ngày 29/02/2020 và Hợp đồng số HV01418/HĐTD-CC ngày 27/03/2020. Do đó, quan hệ pháp luật trong

vụ án được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Do nơi cư trú bị đơn ở huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa ngày 09/04/2025, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố hay các yêu cầu gì khác trong vụ án này; do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Xuân N1 phải trả có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng K số tiền tính đến ngày 09/04/2025 là: 132.208.479 đồng, trong đó vốn gốc là 60.611.110 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.782.466 đồng, tiền lãi quá hạn là 66.814.903 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/04/2025 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Hội đồng xét xử nhận định:

[5] Xét về giao kết hợp đồng:

[5.1] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: HV01396/HĐTD-CC ngày 29/02/2020 đã thể hiện các đương sự có thỏa thuận vay với số tiền là 40.000.000 đồng, mục đích vay: Mua bán nhỏ, giải ngân ngày: 29/02/2020, thời hạn vay là 180 ngày, lãi suất vay là: 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, hình thức thanh toán: Trả góp nợ gốc và lãi vay theo định kỳ hàng ngày kể từ ngày 01/03/2020 đến 27/08/2020, số tiền trả mỗi ngày là 239.754 đồng, ngày cuối là 240.154 đồng.

[5.2] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: HV01397/HĐTD-CC ngày 29/02/2020 đã thể hiện các đương sự có thỏa thuận số tiền vay 30.000.000 đồng, mục đích vay: Mua bán nhỏ, giải ngân ngày: 29/02/2020, thời hạn vay là 180 ngày, lãi suất vay 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, hình thức thanh toán: Trả góp nợ gốc và lãi tiền vay theo định kỳ hàng ngày kể từ ngày 01/03/2020 đến 27/8/2020, số tiền trả mỗi ngày là 179.811 đồng, ngày cuối là 181.011 đồng.

[5.3] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: HV01418/HĐTD-CC ngày 27/03/2020 đã thể hiện các đương sự có thỏa thuận số tiền vay 30.000.000 đồng, mục đích vay: Mua bán nhỏ, giải ngân ngày: 27/03/2020, thời hạn vay là 180 ngày, lãi suất vay 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, hình thức thanh toán: Trả góp nợ gốc và lãi tiền vay theo định kỳ hàng ngày kể từ ngày 28/3/2020 đến 23/9/2020, số tiền trả mỗi ngày là 179.811 đồng, ngày cuối là 181.011 đồng.

[5.4] Trong quá giải quyết vụ án, mặc dù Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N và chị N1 đã vắng mặt và cũng không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 92, Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là chứng cứ không cần phải chứng minh.

[6] Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Xét thấy, tại thời điểm giao dịch các bên có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự xác định Hợp đồng tín dụng được giao kết giữa các bên đảm bảo điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và có giá trị pháp lý.

[7] Xét về việc giao nhận tiền: Căn cứ lời trình bày của phía nguyên đơn và các tài, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp thể hiện Ngân hàng K đã giải ngân cho anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Xuân N1 tổng số tiền là 100.000.000 đồng theo các Hợp đồng tín dụng số HV01396/HĐTD-CC, số HV01397/HĐTD-CC cùng ngày 29/02/2020 và số HV01418/HĐTD-CC ngày 27/03/2020. Về phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ Điều 92, Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự xem đây là chứng cứ không cần chứng minh nên xác định hai bên có ký kết hợp đồng tín dụng và anh N, chị N1 đã nhận số tiền như đã nêu trên là có thật.

[8] Xét về quá trình thực hiện hợp đồng: Xét thấy, căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, anh N và chị N1 đã thanh toán cho nguyên đơn theo 03 hợp đồng tín dụng như sau:

[8.1] Đối với 02 Hợp đồng tín dụng số HV01396/HĐTD-CC và số HV01396/HĐTD-CC ngày 29/02/2020 đã trả được 72 ngày kể từ ngày vay đến ngày 18/05/2020 với tổng số tiền gốc là 30.722.223 đồng và tổng số tiền lãi trong hạn là 2.424.109 đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng số HV01418/HĐTD-CC ngày 27/03/2020 đã trả được 52 ngày kể từ ngày vay đến ngày 18/05/2020 với tổng số tiền gốc là 8.666.667 đồng và tiền lãi trong hạn là 683.836 đồng. Tổng số tiền nợ gốc của cả ba hợp đồng hiện còn là 60.611.110 đồng.

[8.2] Từ ngày 20/05/2020 đến nay thì anh N và chị N1 không tiếp tục thực hiện thanh toán nợ và lãi cho Ngân hàng K nên xác định anh N và chị N1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 20/05/2020. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp với nhau; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án thì anh N và chị N1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó xác định anh N và chị N1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 20/05/2020 và còn nợ nguyên đơn số tiền vay gốc là 60.611.110 đồng; mặt khác, anh N và chị N1 vi phạm hợp đồng nên ngoài nghĩa vụ trả nợ gốc, thì anh N và chị N1 còn phải trả lãi trong hạn, lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã được hai bên ký kết.

[9] Đối với yêu cầu về lãi suất: Căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng số HV01396/HĐTD-CC, số HV01396/HĐTD-CC cùng ngày 29/02/2020 và số HV01418/HĐTD-CC ngày 27/03/2020 đã thể hiện các bên thỏa thuận về thời hạn vay là 180 ngày kể từ ngày vay, lãi suất vay là 16%/năm, lãi suất quá hạn

bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và không trái với quy định pháp luật nên việc nguyên đơn tính lãi theo hợp đồng là phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Do đó yêu cầu tính các khoản lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Số tiền các khoản lãi tính từ ngày 20/05/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/04/2025) được xác định như sau:

[9.1] Đối với Hợp đồng tín dụng số HV01396/HĐTD-CC ngày 29/02/2020, số tiền lãi trong hạn từ ngày 20/05/2020 đến ngày 27/08/2020 là 101 ngày với số tiền lãi là 1.770.959 đồng; tiền lãi quá hạn từ ngày 28/08/2020 đến ngày 09/04/2025 là 1.686 ngày với số tiền lãi quá hạn là 24.881.972 đồng.

[9.2] Đối với Hợp đồng tín dụng số HV01397/HĐTD-CC ngày 29/02/2020, số tiền lãi trong hạn từ ngày 20/05/2020 đến ngày 27/08/2020 là 101 ngày với số tiền lãi là 1.328.219 đồng; tiền lãi quá hạn từ ngày 28/08/2020 đến ngày 09/04/2025 là 1.686 ngày với số tiền lãi quá hạn là 18.661.479 đồng.

[9.3] Đối với Hợp đồng tín dụng số HV01418/HĐTD-CC ngày 27/03/2020, số tiền lãi trong hạn từ ngày 20/05/2020 đến ngày 23/09/2020 là 128 ngày với số tiền lãi là 1.683.288 đồng; tiền lãi quá hạn từ ngày 24/09/2020 đến ngày 09/04/2025 là 1.659 ngày với số tiền lãi quá hạn là 23.271.452 đồng.

[10] Xét yêu cầu tiếp tục tính lãi của nguyên đơn, yêu cầu anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Xuân N1 phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi suất phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng số HV01396/HĐTD-CC, số HV01396/HĐTD-CC cùng ngày 29/02/2020 và số HV01418/HĐTD-CC ngày 27/03/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ. Xét thấy, việc nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính lãi suất phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ là phù hợp với sự thỏa thuận của các bên theo các hợp đồng đã ký kết và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[11] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng K. Buộc anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Xuân N1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng K tổng số tiền tính đến ngày 09/04/2025 là 132.208.479 đồng. Yêu cầu anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Xuân N1 phải có trách nhiệm liên đới tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 10/04/2025 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

[12] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu công nhận Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: HV01396/HĐTD-CC ngày 29/02/2020 giữa Ngân hàng K với anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Xuân N1, sau khi quyết định sơ thẩm có hiệu lực thì nguyên đơn sẽ tự xử lý đối với tài sản thế chấp. Xét thấy việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu là tự nguyện và phù hợp nên chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[13] Về án phí: Căn cứ Điều 147 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của Ngân

hàng K được chấp nhập nên anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Xuân N1 phải liên đới chịu án phí theo quy định. Ngân hàng K không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K. Buộc anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Xuân N1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K với tổng số tiền tính đến ngày 09/04/2025 là 132.208.479 (một trăm ba mươi hai triệu, hai trăm lẻ tám nghìn, bốn trăm bảy mươi chín) đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/04/2025) cho đến khi thi hành án xong, anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Xuân N1 còn phải có trách nhiệm tiếp tục liên đới trả lãi suất phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số HV01396/HĐTD-CC, số HV01396/HĐTD-CC cùng ngày 29/02/2020 và số HV01418/HĐTD-CC ngày 27/03/2020 cho đến khi thi hành án xong.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu công nhận Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: HV01396/HĐTD-CC ngày 29/02/2020 giữa Ngân hàng K với anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Xuân N1.

3. Về án phí:

- Buộc anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Xuân N1 phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là với số tiền là 6.610.000 (sáu triệu, sáu trăm mười nghìn) đồng.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.145.000 (ba triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001728 ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Về Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND HCL;
- TAND Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Trường Chinh